

□n số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Th- ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Phổ Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/ TLST-HNGĐ ngày 06/01/2025 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXX ngày 25/3/2025 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Đình H, sinh năm 1960.

ĐKHKT và chỗ ở: Xóm Khe Đ, xã PT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1965

ĐKHKT và chỗ ở: Xóm Khe Đ, xã PT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Đình H trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Nh vào năm 1984, tr- ớc khi c- ới hai bên có đ- ợc tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phúc Thuận, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên nhân xin ly hôn ông H xác định sau khi cưới vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn nhưng do lúc đó con còn nhỏ và mâu thuẫn nhỏ nên cố gắng bỏ qua cho nhau để các con có gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên khoảng 05 năm trở lại đây vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, do ông cho anh em bên nhà nội vay tiền, bà Nh không hài lòng nên thường xuyên xúc phạm ông, vì vậy vợ chồng nhiều lần xảy ra xô sát, cãi vã nên đã sống mỗi người một nhà không ai

còn chia sẻ hay quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ông được ly hôn với bà Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông sinh được năm người con chung là Ngô Thị Nhài, sinh năm 1984; Ngô Thị Phú, sinh năm 1986; Ngô Đình Phong, sinh năm 1988; Ngô Thị Cảnh, sinh năm 1990 và cháu Ngô Thị Liên, sinh năm 1991, hiện các con đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các khoản cho vay: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Nh trình bày: Bà và ông Ngô Đình H có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1984 tại UBND xã Phúc Thuận, huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới được bố mẹ chồng cho đất ra ở riêng tại xã Phúc Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khoảng 05 năm trở lại đây vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra xô sát, nhiều lần ông H đã đánh bà vì vậy vợ chồng không ăn chung, không ở chung và không thể chia sẻ hay trao đổi gì với nhau. Nay bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên không còn giữ được đăng ký kết hôn của hai vợ chồng nộp cho Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có năm con chung như ông H trình bày là đúng, hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung và các khoản cho vay: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tòa án đã kiên trì hòa giải để các bên về đoàn tụ, song nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên Tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định để vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung và các khoản cho vay: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông Ngô Đình H và bà Nguyễn Thị Nh là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành không giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung và các khoản cho vay: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí cho ông Huệ.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đăng ký hộ khẩu và cư trú tại xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung: Ông Ngô Đình H và bà Nguyễn Thị Nh xác định kết hôn với nhau vào năm 1984 tại ủy ban nhân dân xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên nay là thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đỉnh điểm 05 năm trở lại đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát nên đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông bà không còn giữ được đăng ký kết hôn của hai vợ chồng. Ông H cũng đã xin xác nhận việc đăng ký kết hôn nhưng không có kết quả vì hiện nay UBND xã Phúc Thuận không còn

lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1984. Vì lẽ đó, ông H đã yêu cầu Tòa án đi xác minh, thu thập chứng cứ này. Tòa án đã đến Ủy ban nhân dân xã Phúc Thuận để xác minh về việc đăng ký kết hôn của ông H, bà Nh nhưng không có căn cứ chứng minh ông bà có đăng ký kết hôn với nhau. Trong đó, tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân là quan hệ đặc biệt và phải được thừa nhận trên cơ sở pháp luật, trong vụ án này ông H, bà Nh đều cho rằng có đăng ký kết hôn nhưng không chứng minh được việc đã đăng kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó cuộc hôn nhân này không được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Vì vậy, về quan hệ hôn nhân áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm C khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc Hội khoá X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Ngô Đình H và bà Nguyễn Thị Nh là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đ-ơng sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung và các khoản cho vay các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Lẽ ra nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên ông H hiện nay là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí cho ông H.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm C, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc Hội khoá X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC – VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Đình H và bà Nguyễn Thị Nh là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Nợ chung và các khoản cho vay: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Ngô Đình H.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPY;
- Chi cục THADS TPY;
- Đương sự;
- UBND xã PT.
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Thuận

